TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2024/HNGĐ-ST
Ngày 10/5/2024
V/v Xin ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mai Ka

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Út

Bà Nguyễn Thị Hằng

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long*:** Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 557/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc *"Xin ly hôn, nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 43/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Ngọc D**, sinh năm 1998 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số G, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh **Châu Thiện T**, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số G, ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 11/12/2023 cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D trình bày:

Qua quen biết chị D và anh Châu Thiện T có tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 25, ngày 10/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 03/2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, chị D phải lo lắng quán xuyến hết tất cả công việc trong gia đình nhưng anh T cũng không chia sẻ với chị, anh thường xuyên ăn nhậu, khi nhậu say về còn hành hung chị D, bản thân chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không được. Anh chị đã ly thân từ tháng 5/2022 chị D đã bỏ lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và làm việc, anh T vẫn còn sống tại xã A. Từ lúc ly thân đến nay anh T vẫn không có biện pháp hàn gắn hôn nhân với chị D.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Châu Thiện T.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Châu Ngọc L, sinh ngày 17/9/2015. Khi ly hôn chị D đồng ý giao con cho anh T tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng, chị D không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Châu Thiện T vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2024 anh Châu Thiện T trình bày: Trường hợp chị D kiên quyết ly hôn với anh T thì anh T cũng đồng ý ly hôn với chị D, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Ngày 25/3/2024 chị Lê Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn anh Châu Thiện T vắng mặt tại phiên xét xử.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long:

Căn cứ Điều 147, 244 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 19, 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTV Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc D.

Quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị Ngọc D được ly hôn với anh Châu Thiện T.

Về con chung: Giao cháu Châu Ngọc L, sinh ngày 17/9/2015 cho anh Châu Thiện T nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc D nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, lời trình bày của đương sự. Kết luận, quan hệ tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Ngọc D có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh Châu Thiện T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần hai mà vẫn vắng mặt không rõ lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T, chị D theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lê Thị Ngọc D và anh Châu Thiện T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy Chứng nhận kết hôn số 25, ngày 10/4/2017 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Xét yêu cầu ly hôn của chị D: Chị D trình bày trong thời gian chung sống chị và anh T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh T không chăm lo cho cuộc sống gia đình mà chỉ lo nhậu nhẹt, lúc nhậu say anh T còn sử dụng bạo lực với chị D nhưng chị không trình báo chính quyền địa phương vì vẫn muốn hàn gắn hôn nhân. Chị D đã bỏ nhà đi thành phố Hồ Chí Minh làm việc từ năm 2022 đến nay. Từ lúc chị rời nhà đi anh T cũng không liên lạc với chị D.

Xét thấy anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để tạo điều kiện cho hai bên hòa giải đoàn tụ nhưng anh vẫn vắng mặt và cũng không có mặt tại phiên xét xử. Quá trình xác minh tại địa phương về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thì chính quyền địa phương không nắm rõ do chị D và anh T không có trình báo. Toà án đã triệu tập anh T nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt không lý do, điều này thể hiện anh T không còn tha thiết đến hạnh phúc gia đình, không có thiện chí hoà giải đoàn tụ. Chị D xác định không còn tình cảm với anh T và kiên quyết ly hôn, chị và anh T cũng không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng nên việc chị D yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở. Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận cho chị D được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị D và anh T có 01 con chung là Châu Ngọc L, sinh ngày 17/9/2015. Xét cháu L đã được anh T chăm sóc và nuôi dưỡng từ thời điểm chị D và anh T ly thân đến nay. Anh T có lời khai yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Tại Biên bản làm việc ngày 01/3/2024 cháu L có nguyện vọng được sống chung với anh T, chị D cũng đồng ý giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo cuộc sống ổn định của cháu L cũng như dựa trên nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc chị Lê Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

[7] Ý kiến của vị đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 19, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc D.

1. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc D được ly hôn với anh Châu Thiện T.

2. Về con chung: Giao cháu Châu Ngọc L, sinh ngày 17/9/2015 cho anh Châu Thiện T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh T không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con

Chị Lê Thị Ngọc D không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Ngọc D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000636 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long. Chị D đã nộp xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: 02;
- Chi cục thi hành án DS huyện Long Hồ: 02;
- Đương sự: 02;
- Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long: 01;
- Lưu hồ sơ vụ án: 04.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Mai Ka